

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hùng Phong và ông Trương Đình Bắc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Mỹ T – sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn 3, xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước – có mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế D – sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn 2, xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước – vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 31/8/2018, các biên bản làm việc tại tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Mỹ T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Thế D kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước ngày 27/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 01/2018 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/10/2015, hiện chị T đang trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa chị T cương quyết yêu cầu TAND huyện Bù Đốp xét xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thế D và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra chị T không yêu cầu gì thêm.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thế D vắng mặt. Mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa. Vì vậy anh D không thể hiện ý kiến của mình.

Đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị Mỹ T thuộc trường hợp “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Bù Đốp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thế D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân:* Chị Đào Thị Mỹ T và anh Nguyễn Thế D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước vào ngày 29/3/2016. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết yêu cầu được ly hôn anh D với lý do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, mặc dù chị T đã cho anh D nhiều cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh D vẫn không thay đổi. Thời gian vợ chồng sống ly thân hai người còn không quan tâm chăm sóc hỏi thăm lẫn nhau nữa. Mặc dù hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T, anh D vẫn không hòa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Thế D đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy anh D không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D được biết. Việc chị T, anh D mâu thuẫn như thế nào thì địa phương cũng không nắm rõ. Do chị T, anh D không báo địa phương hòa giải.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh D.

- Về con chung: Chị T trình bày: Vợ chồng anh chị đã có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/10/2015, hiện cháu V đang ở với chị T. Tại phiên tòa chị T tiếp tục yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy cháu V còn nhỏ lại là con gái, để đảm bảo cuộc sống ổn định về mọi mặt cũng như sự phát triển về tâm sinh lý bình thường của trẻ em vị thành niên và hiện nay cháu V đang được chị T chăm sóc nuôi dưỡng, thu nhập của chị T mỗi tháng 7.000.000 đồng (có xác nhận của nơi chị T làm việc) là mức thu nhập ổn định đủ đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu V cho chị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đào Thị Mỹ T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đào Thị Mỹ T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn chị Đào Thị Mỹ T đối với bị đơn anh Nguyễn Thế D.

[1]. Về hôn nhân: Chị Đào Thị Mỹ T được ly hôn anh Nguyễn Thế D.

[2]. *Về con chung*: Giao 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 29/10/2015 cho chị Đào Thị Mỹ T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Đào Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp theo biên lai thu tiền số 0016062 ngày 20/9/2018.

[4]. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã Th H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Chức